

Bản án số: 74/2021/ HS - ST
Ngày: 30- 11 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Bản

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Hiến

Ông Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2021/ TLST - HS ngày 18 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Việt D**, sinh ngày 10/3/2001, tại: Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Khơ me; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Hồng L và bà: Bùi Thị H; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không.

*Nhân thân:

-Ngày 25/10/2021 bị Công an T phố Sông Công xử phạt 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản.

-Ngày 26/10/2021 bị Công an phường Bách Quang, T phố Sông Công xử phạt 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/9/2021 đến ngày 30/10/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo D:*

Ông Phùng Văn T, sinh năm 1958 - Cộng tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Người bị hại:* Chị Trần Thị Huyền Tr, sinh năm 1998; Trú tại: Tổ 6, phường P, T phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Phạm Huy G, sinh năm 1974; Trú tại: Tổ 5, phường Q, T phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Chị Bùi Thị H, sinh năm 1971; Trú tại: Thôn H, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Chị Lã Huyền D, sinh năm 2004; Trú tại: Xóm T3, xã T, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Việt D quen biết chị Trần Thị Huyền Tr (sinh năm 1988, trú quán tại: Tổ 6, phường phú Xá, T phố Thái Nguyên) từ khoảng tháng 6/2021, cả hai thường xuyên nhắn tin, nói chuyện với nhau qua mạng xã hội Facebook, D biết Tr có tài sản là chiếc xe nhãn hiệu Honda Vision màu trắng Biển kiểm soát (BKS) 20B2 - 298.56. Khoảng 19^h30' tối ngày 30/8/2021, khi đang ở phòng trọ của mình tại Tổ dân phố Làng Mới, phường Bách Quang, T phố Sông Công thì D bị người khác gọi điện đòi tiền nợ nên D nảy sinh ý định đến phòng trọ của Tr trộm cắp tài sản (tiền) để trả nợ. Thực hiện ý định trên, D sử dụng ứng dụng Meseenger qua mạng xã hội Facebook nhắn tin nói chuyện với chị Tr và muốn sang chỗ Tr chơi và cùng mua đồ ăn và bia về uống thì được Tr đồng ý. D đi bộ một mình sang phòng trọ của Tr và có mua bia, đồ ăn đến. Khi vào đến cửa phòng

trợ thì thấy Tr đang ở phòng và trước cửa có chiếc xe mô tô BKS 20B2 - 298.56 dựng ở đó. D và Tr bỏ đồ ăn ra và cùng nhau ngồi ăn và uống bia nói chuyện, trong lúc cùng nhau ăn uống, thì D đưa cho Tr số tiền 50.000đ nhờ Tr đi mua nước, mục đích là để Tr ra khỏi phòng để trộm cắp tài sản. Khi Tr ra khỏi phòng, thì D lục tìm trong ví của Tr thì thấy có số tiền 720.000đ và chứng minh nhân dân; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị Huyền Tr. Thấy vậy D lấy 500.000đ, Chứng minh nhân dân và đăng ký xe mô tô BKS 20B2 - 298.56 rồi cất giấu vào túi quần của mình. Khi chị Tr về, kiểm tra ví thấy mất tiền nên có hỏi D thì D nhận lấy và trả lại cho Tr số tiền 500.000đ và đưa thêm cho Tr 200.000đ rồi cả hai tiếp tục uống bia, nói chuyện, khoảng 15 phút sau, D giả vờ nói với Tr cho D mượn xe mô tô đi đón bạn gái là chị Lã Huyền D đến chơi và cùng uống bia cho vui (mục đích D nói dối Tr để lấy xe mô tô mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ), thấy D nói vậy, Tr đồng ý rồi đưa chìa khóa xe mô tô BKS 20B2 - 298.56 cho D đi đón D. Sau khi lừa được Tr cho mượn xe, D đi về phòng trọ đón chị Lã Huyền D rồi D chở D lên T phố Thái Nguyên để tìm chỗ cầm cố chiếc xe mô tô trên. Do đã mượn nên không cầm cố được, D đi lên hướng Bắc Kạn, khi đi qua cầu Mỏ Bạch, thấy quán mua bán xe máy của anh Phạm Huy G (sinh năm 1974, ở Tổ 5, phường Quang Vinh, T phố Thái Nguyên) vẫn mở cửa nên D vào gặp anh G và bán chiếc xe mô tô với giá 21.500.000đ, nhưng G giữ lại 500.000đ để D mang sổ hộ khẩu của chị Tr đến đổi chiếu giấy tờ xe mới thanh toán nốt số tiền trên. Sau khi nhận tiền, D đi xe taxi đưa D về huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Số tiền bán xe được D trả nợ cho chị Lã Huyền D 3.500.000đ; trả tiền thuê xe taxi 550.000đ, cước chiếc điện thoại di động 7.000.000đ; còn lại là 9.580.000đ bị Công an T phố Sông Công thu giữ

Đối với chị Tr sau khi cho D mượn xe, không thấy D đem trả lại, Tr nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho D nhưng không liên lạc được. Biết bị D lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chị Tr đã làm đơn trình báo đến Công an phường Bách Quang, T phố Sông Công, vụ án được chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T phố Sông Công giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 31/8/2021, Cơ quan điều tra Công an T phố Sông Công thu giữ của anh Phạm Huy G chiếc xe mô tô BKS 20B2 - 298.56 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của Trần Thị Huyền Tr. Cùng ngày thu giữ của D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus và số tiền 9.580.00đ (chín triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). Ngày 01/9/2021 chị Lã Huyền D giao nộp Cơ quan điều tra số tiền 3.500.000đ và 01 giấy chứng minh nhân dân của chị Trần Thị Huyền Tr.

Cơ quan điều tra T phố Sông Công tiến hành trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô BKS 20B2 – 298.56 mà D đã chiếm đoạt. Tại bản kết luận định giá tài sản số 79 ngày 01/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản T phố Sông Công,

kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn trắng - đen, biển kiểm soát 20B2 - 298.56, có giá trị là **28.160.000đ** (*Hai mươi tám triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*)

Vật chứng của vụ án là: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda vision BKS 20B2 - 298.56 cùng giấy chứng nhận đăng ký của xe và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Huyền Tr xét thấy không cần tạm giữ nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bị hại chị Tr quản lý, sử dụng. Đối với số tiền 9.580.000đ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus thu giữ của D hiện được chuyển bảo quản theo đúng quy trình quản lý vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị Huyền Tr đã nhận lại tài sản (xe mô tô); anh Phạm Huy G đã nhận lại số tiền 21.000.000đ do bị cáo bồi thường; chị Tr, anh G và không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường thêm khoản tiền gì.

Tại bản cáo trạng số 77/ CT - VKS ngày 15/11/ 2021 của Viện kiểm sát nhân dân T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Việt D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo D từ 06 đến 09 tháng tù.

Về vật chứng: Trả lại chiếc điện thoại và toàn bộ số tiền đang bị tạm giữ cho bị cáo quản lý sử dụng.

Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo D.

Người bào chữa cho bị cáo D nhất trí với bản luận tội của đại diện của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng, tuy nhiên về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo tuổi còn trẻ, là dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, gia đình thuộc hộ cận nghèo khó khăn nên cho bị cáo được hưởng một mức án thấp nhất có thể để bị cáo có cơ hội sửa sai làm lại cuộc đời.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân T phố Sông Công, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được, có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20h30' ngày 30/8/2021, tại Tổ dân phố Chương Lương, phường Bách Quang, T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Do không có tiền để giải quyết nhu cầu sinh hoạt cá nhân, Nguyễn Việt D đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chị Tr lấy chiếc xe mô tô BKS 20B2 - 298.56, trị giá **28.160.000đ** (*Hai mươi tám triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng*) đem đi bán lấy tiền tiêu xài, trả nợ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Việt D đã đủ yếu tố cấu T tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Ngày 25/10/2021 bị Công an T phố Sông Công xử phạt 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản

Ngày 26/10/2021 bị Công an phường Bách Quang, T phố Sông Công xử phạt 1.500.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều T khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo

phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu ít nghiêm trọng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng trước thời điểm bị cáo phạm tội đã liên tiếp có hành vi trộm cắp tài sản và bị cơ quan chức năng áp dụng biện pháp xử lý hành chính bằng các quyết định xử lý vi phạm hành chính đến nay bị cáo chưa thi hành xong các quyết định trên. Nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đảm bảo đủ điều tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt là phù hợp, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 là chưa phù hợp với các quy định hiện hành; Bởi lẽ trong quá trình giải quyết vụ án, trước khi tài sản được thu hồi bản thân bị cáo không có ý kiến, tác động gì đối với người bị hại về phần bồi thường khắc phục hậu quả, hơn nữa sau khi tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô đã được thu hồi và trả lại nguyên vẹn cho bị hại người bị hại nhận lại tài sản không có ý kiến nào khác. Còn đối với số tiền 21 triệu đồng mà bị cáo cùng gia đình đã trả lại cho người đã bỏ tiền ra mua bán ngay tình chiếc xe mà bị cáo đã lừa đảo bán cho (anh G) đó là trách nhiệm và nghĩa vụ của bị cáo đối với một giao dịch Dân sự hợp pháp.

Với những phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của bộ luật Hình sự theo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Tr đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh G đã nhận lại đủ số tiền và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H là mẹ bị cáo đã trực tiếp bồi thường số tiền 21 triệu đồng cho anh G, bà H không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo D sống trong gia đình thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định.

[6] Về vật chứng:

- 01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus không liên quan đến việc phạm tội do đó cần trả lại cho bị cáo quản lý và sử dụng.

- Về số tiền 13.080.0000: Sau khi xảy ra sự việc bị cáo cùng gia đình đã bồi thường đầy đủ số tiền thiệt hại 21.000.000 đồng cho anh G là người đã bỏ tiền ra mua chiếc xe do bị cáo phạm tội mà có, anh G không có ý kiến gì khác nên xác định số tiền này thuộc quyền quản lý sử dụng của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

Trong vụ án này có chị Lã Huyền D được D chở đi cùng bán xe mô tô, D không hề biết D lừa đảo chiếm đoạt xe của chị Tr, Phạm Huy G là người mua chiếc xe mô tô BKS 20B2 - 298.56 của D, anh G không biết đó tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với D và G là phù hợp.

Đối với hành vi trộm cắp số tiền 500.0000đ của chị Trần Thị Huyền Tr Công an T phố Sông Công đã xử phạt hành chính đối với bị cáo D là đúng theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điểm i,s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38, của Bộ luật hình sự; Điều 106, 136, 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Việt D** phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**

***Xử phạt:** bị cáo Nguyễn Việt D 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/9/2021 đến ngày 30/10/2021.

***Về vật chứng:**

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu trắng đã qua sử dụng;

- Trả lại bị cáo số tiền 13.080.000 đồng (*Mười ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

- (*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2021 giữa Công an T phố Sông Công và Chi cục thi hành án dân sự T phố Sông Công*)

***Về án phí:** Miễn án phí cho bị cáo Nguyễn Việt D

*Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo báo cho những người này biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người bị hại chị Tr, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà H, anh G báo cho những người này được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Sông Công;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an TP Sông Công;
- Chi cục THADS TP Sông Công.
- Bị cáo; bị hại, NLQ
- UBND xã Kháng Nhật.
- (Thông báo kết quả xét xử);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Bản